

MỘT SỐ ĐIỂM MỚI CỦA BỘ LUẬT DÂN SỰ 2015

ThS. Nguyễn Thị Kim Dung ^(*)

Bộ luật dân sự mới đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIII ngày 24-11-2015, bắt đầu có hiệu lực từ 01/01/2017 (sau đây gọi tắt là Bộ luật dân sự 2015). Bộ luật dân sự 2015 gồm 27 chương với 689 điều. Bài viết này giới thiệu sơ lược về một số điểm mới của Bộ luật này.

Bộ luật dân sự 2015 có vai trò hết sức quan trọng trong hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật của nước ta. Đây là luật chung điều chỉnh các quan hệ dân sự - các quan hệ nảy sinh hàng ngày, hàng giờ trong đời sống và bất kỳ ai cũng tham gia. Luật khác có liên quan điều chỉnh quan hệ dân sự trong các lĩnh vực cụ thể không được trái với nguyên tắc cơ bản được quy định trong Bộ luật dân sự 2015. Trường hợp luật khác có liên quan không quy định hoặc có quy định nhưng vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự thì quy định của BLDS 2015 được áp dụng (Xem Điều 1, điều 4 Bộ luật dân sự 2015). Như vậy, Bộ luật dân sự 2015 chỉ đứng sau Hiến pháp, vươn tầm lên xứng đáng là một văn bản quy phạm pháp luật không thể thiếu trong “tủ sách pháp lý” của mỗi gia đình, mỗi cơ quan, tổ chức.

Tại điều 3 Bộ luật dân sự 2015 quy định cụ thể hơn, súc tích hơn các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự:

“1. Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kỳ lý do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.

2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thỏa thuận. Mọi cam kết, thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

3. Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

4. Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

^(*) Phó Trưởng Khoa Luật, Học viện Cán bộ Thành phố Hồ Chí Minh

5. Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.”

Trong đó, Bộ luật dân sự 2015 đặc biệt nhấn mạnh không được lấy “bất kỳ lý do nào”, bao gồm: dân tộc, giới tính, thành phần xã hội, hoàn cảnh kinh tế, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp... để phân biệt đối xử. Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự phải bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, tôn trọng và phát huy phong tục, tập quán, truyền thống tốt đẹp, tình đoàn kết, tương thân, tương ái, mỗi người vì cộng đồng, cộng đồng vì mỗi người và các giá trị đạo đức cao đẹp của các dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam. Trong quan hệ dân sự, việc hoà giải giữa các bên phù hợp với quy định pháp luật được khuyến khích.

Bộ luật dân sự 2015 quy định cụ thể tập quán là gì, các trường hợp áp dụng tập quán, áp dụng tương tự pháp luật... Điều 5 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

“1. Tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền, nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự.

2. Trường hợp các bên không có thoả thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập quán nhưng tập quán áp dụng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này.”

Qua việc xác định cụ thể như trên, chúng ta mới áp dụng một cách thuận lợi nhiều điều khoản trong Bộ luật dân sự 2015, ví dụ điều 26 Bộ luật dân sự 2015 về quyền có họ, tên: “1. Cá nhân có quyền có họ, tên (bao gồm cả chữ đệm, nếu có). Họ, tên của một người được xác định theo họ, tên khai sinh của người đó.

2. Họ của cá nhân được xác định là họ của cha đẻ hoặc họ của mẹ đẻ theo thoả thuận của cha mẹ; nếu không có thoả thuận thì họ của con được xác định theo tập quán. Trường hợp chưa xác định được cha đẻ thì họ của con được xác định theo họ của mẹ đẻ.”

Trường hợp phát sinh quan hệ thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự mà các bên không có thoả thuận, pháp luật không có quy định và không có tập quán được áp dụng thì áp dụng quy định của pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự tương tự. Trường hợp không thể áp dụng tương tự pháp luật đã nêu trên thì áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, lẽ công bằng (Xem Điều 6 Bộ luật dân sự 2015). Như vậy, quy định này của Bộ luật dân sự mở ra thời kỳ

được áp dụng án lệ ở nước ta và đặt lên vai Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao trọng trách tổng kết kinh nghiệm xét xử, lựa chọn các án lệ - cách giải quyết những vụ án cụ thể được thừa nhận là khuôn mẫu chung, chuẩn mực chung để giải quyết các vụ án tương tự xảy ra sau đó.

Bộ luật dân sự 2015, ngoài việc quy định được tự bảo vệ, còn quy định cụ thể các phương thức bảo vệ quyền dân sự. Khi quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân bị xâm phạm thì chủ thể đó có quyền tự bảo vệ theo quy định của BLDS 2015, luật khác có liên quan hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền:

- Công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền dân sự của mình.
- Buộc chấm dứt hành vi xâm phạm.
- Buộc xin lỗi, cải chính công khai.
- Buộc thực hiện nghĩa vụ.
- Buộc bồi thường thiệt hại.
- Hủy quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.
- Yêu cầu khác theo quy định của luật.

(Tham khảo Điều 11 Bộ luật dân sự 2015)

Trước đây, nội dung của phương thức bảo vệ quyền dân sự được quy định trong nguyên tắc tôn trọng, bảo vệ quyền dân sự, nay được tách ra thành điều riêng về phương thức bảo vệ quyền dân sự.

Trước đây, Bộ luật dân sự 2005 quy định 5 mức độ năng lực hành vi dân sự của cá nhân: Không có năng lực hành vi dân sự; năng lực hành vi dân sự chưa đầy đủ; năng lực hành vi dân sự đầy đủ; mất năng lực hành vi dân sự; hạn chế năng lực hành vi dân sự. Nay, Bộ luật dân sự 2015 không còn quy định trường hợp không có năng lực hành vi dân sự; mà quy định chung vào 2 nhóm cá nhân: người chưa thành niên và người thành niên. Điều 21 Bộ luật dân sự 2015 quy định về “Người chưa thành niên” như sau:

1. Người chưa thành niên là người chưa đủ mười tám tuổi.
2. Giao dịch dân sự của người chưa đủ sáu tuổi do người đại diện theo pháp luật của người đó xác lập, thực hiện.

3. Người từ đủ sáu tuổi đến chưa đủ mười lăm tuổi khi xác lập, thực hiện giao dịch dân sự phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý, trừ giao dịch dân sự phục vụ nhu cầu sinh hoạt hàng ngày phù hợp với lứa tuổi.

4. Người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi tự mình xác lập, thực hiện giao dịch dân sự, trừ giao dịch dân sự liên quan đến bất động sản, động sản phải đăng ký và giao dịch dân sự khác theo quy định của luật phải được người đại diện theo pháp luật đồng ý.

Như vậy, 2 mức độ không có năng lực hành vi dân sự và năng lực hành vi dân sự chưa đầy đủ nay được đưa chung vào nhóm “người chưa thành niên”- điều này phù hợp hơn và không bị nhầm lẫn giữa không có năng lực hành vi dân sự với mất năng lực hành vi dân sự. Trong nhóm người thành niên thì Bộ luật dân sự 2015 bổ sung trường hợp loại trừ năng lực hành vi dân sự đầy đủ (ngoài trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự, nay bổ sung thêm trường hợp có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi). Điều 22, 23, 24 Bộ luật dân sự 2015 quy định rõ các trường hợp mất năng lực hành vi dân sự, hạn chế năng lực hành vi dân sự và có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi. Với những quy định trên đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc xác định mức độ năng lực hành vi dân sự của những người thành niên do tình trạng thể chất hoặc tinh thần mà không đủ khả năng nhận thức, làm chủ hành vi nhưng chưa đến mức mất năng lực hành vi dân sự.

Trên đây là một số điểm mới của Bộ luật dân sự 2015; ngoài ra, Bộ luật dân sự 2015 còn có những điểm mới khác, xin được trao đổi, trình bày ở những bài viết sau. Bộ luật dân sự 2015 góp phần ngày càng hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật điều chỉnh những quan hệ dân sự - những quan hệ liên quan đến mọi tổ chức, cá nhân./.